

Bản án số: 67/2023/HS-ST
Ngày 11-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Thẩm phán: Ông Trần Minh Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thắng

Bà Trần Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Mạnh Long

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lại Thị Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Trương Quang Vương - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2023, đối với:

- **Bị cáo:** Lê Thụy Hà M; sinh ngày 16 tháng 7 năm 1983; tại Đà Nẵng; nơi cư trú: đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; nơi tạm trú: đường M, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Cù Thị Minh T; bị cáo đã ly hôn, có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giam ngày 03-11-2022. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Trương Hùng T, Luật sư Công ty Luật TNHH D - thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị hại: Bà Đoàn Thị Cẩm H; sinh năm 1986; nơi cư trú: đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Cù Thị Hoài T; sinh năm 1993; nơi cư trú: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Bích H; sinh năm 1989; nơi cư trú: đường D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt;

3. Bà Trần Nguyên Mỹ T; sinh năm 1986; nơi cư trú: đường D, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt;

4. Bà Nguyễn Phương T; sinh năm 1993; nơi cư trú: đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt;

5. Bà Nguyễn Thị Mỹ T; sinh năm 1987; nơi cư trú: đường H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt;

6. Bà Cù Thị Bảo Q; sinh năm 1986; nơi cư trú: đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt;

7. Bà Trần Thị Kim A; sinh năm 1967; nơi cư trú: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt;

8. Ông Nguyễn Ngọc P; sinh năm 1974; nơi cư trú: đường Đ, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt;

9. Bà Nguyễn Thị Mỹ L; sinh năm 1973; nơi cư trú: đường H, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt;

10. Bà Huỳnh Thị Ngọc T; sinh năm 1989; nơi cư trú: đường T, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Để có tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, ngày 15-10-2021, Lê Thụy Hà M đến nhà nói với bà Đoàn Thị Cẩm H cho M vay tiền để đáo hạn ngân hàng; do M đã vay nhiều lần nên bà H đồng ý cho M vay và chuyển khoản từ số tài khoản 8505477 ngân hàng ACB của bà H đến số tài khoản 19021673851019 ngân hàng Techcombank của M 2.950.000.000 đồng. Sau khi có được tiền, từ ngày 15-10-2021 đến ngày 27-10-2021, M đã sử dụng tiền vay từ bà H để trả nợ và tiêu xài cá nhân, cụ thể: Ngày 15-10-2021, M chuyển khoản trả

nợ cho bà Cù Thị Hoài T 200.000.000 đồng tiền M vay của bà T vào đầu tháng 10-2021; ngày 16-10-2021, M cho bà Trần Thị Kim A vay 600.000.000 đồng, đến khoảng tháng 11-2021, bà A đã trả lại số tiền này cho M và M đã tiêu xài cá nhân hết; ngày 19-10-2021, M chuyển khoản trả nợ cho bà Nguyễn Thị Bích H 200.000.000 đồng tiền M vay của bà H từ năm 2019; cùng ngày 19-10-2021, M chuyển khoản trả nợ cho bà Trần Nguyên Mỹ T 200.000.000 đồng tiền M vay của bà T vào đầu tháng 10-2021; ngày 22-10-2021, M chuyển khoản trả nợ cho bà Nguyễn Phương T 335.000.000 đồng tiền M vay của bà T vào đầu tháng 10-2021; ngày 25-10-2021, M chuyển khoản trả nợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ T 200.000.000 đồng tiền M vay của bà T vào đầu tháng 10-2021; ngày 27-10-2021, M chuyển khoản trả nợ cho bà Cù Thị Bảo Q 145.000.000 đồng tiền M vay của bà Q vào đầu tháng 10-2021; các ngày 18, 20 và 21-10-2021, M chuyển khoản cho ông Nguyễn Ngọc P nhiều lần tổng cộng 170.000.000 đồng để ông P làm ăn; sau đó, ông P đã trả lại cho M và M sử dụng tiêu xài hết; số tiền còn lại 1.100.000.000 đồng, ngày 21-10-2021 M rút về sử dụng cá nhân hết.

Tại Cáo trạng số 75/CT-VKSĐN-P2 ngày 12 tháng 6 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố Lê Thụy Hà M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo Lê Thụy Hà M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 07 đến 08 năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thụy Hà M nhận tội và khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Nói lời sau cùng, bị cáo xin lỗi bị hại vì trong thời gian dịch bệnh Covid-19 bị mất mát nhiều tiền dẫn đến bị các chủ nợ gây áp lực trả nợ, trong lúc quần bách đã lừa lấy tiền của bị hại, người đã giúp đỡ cho bị cáo vay nhiều lần để làm ăn từ trước đến nay; bị cáo cũng xin lỗi gia đình bên chồng cũ vì đã phải cầm nhà cửa lấy tiền bồi thường lại cho bị hại. Bị cáo xin được xem xét được giảm nhẹ hình phạt để sớm về làm ăn, trả nợ và nuôi ba con nhỏ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng, giữa bị cáo với bị hại bà Đoàn Thị Cẩm H đã có mối quan hệ làm ăn, vay mượn tiền với nhau nhiều lần từ lâu nay và bị cáo đều trả đủ, trả đúng cho bà H. Đối với khoản vay 2.950.000.000 đồng ngày 15-10-2021 là do bị các chủ nợ hối thúc, gây áp lực nên bất khả kháng bị cáo đã vay lấy của người này trả cho người kia và đã xin bị hại cho trả chậm, bị cáo không cố tình chiếm đoạt tiền của bị hại, không bỏ trốn. Vì hoàn cảnh và nguyên nhân khách quan như vậy nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức án nhẹ nhất để cho bị cáo một cơ hội sửa sai và sớm về làm ăn, nuôi 03 con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; đảm bảo quyền và nghĩa vụ cho người tham gia tố tụng. Những người tham gia tố tụng trong vụ án không ai khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét lời khai của bị cáo Lê Thụy Hà M trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, cùng các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án; quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và luận cứ bào chữa cho bị cáo của Luật sư, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền trả nợ và chi tiêu, ngày 15-10-2021 Lê Thụy Hà M đến vay của bà Đoàn Thị Cẩm H 2.950.000.000 đồng với lý do là để đáo hạn ngân hàng và hoàn trả lại tiền vay vào ngày 22-10-2021, nhưng sau khi lấy được tiền thì M sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết, không trả được tiền cho bà H.

Hành vi nói trên của bị cáo M đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, với tình tiết định khung hình phạt là “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng số 75/CT-VKSĐN-P2 ngày 12 tháng 6 năm 2023, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thụy Hà M thì thấy: Đây là vụ án có tính chất, mức độ nguy hiểm cao cho xã hội; hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu của người khác về tài sản; tuy nhiên, trong quá trình điều tra thì bị cáo đã tác động với gia đình để hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại, do đó hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo cũng đã được khắc phục. Đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng hình phạt tù để răn đe, giáo dục và cải tạo bị cáo; đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhận tội; thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động với gia đình bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt 2.950.000.000 đồng cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả; ngoài ra, bị

cáo chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo đã ly hôn và trực tiếp nuôi 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2013, nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ly hôn chồng và nuôi con nhỏ nhưng cũng đã tác động với gia đình để bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt, khắc phục hậu quả, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo Lê Thụy Hà M đã tự nguyện bồi thường cho bị hại bà Đoàn Thị Cẩm H số tiền 2.950.000.000 (hai tỷ, chín trăm năm mươi triệu) đồng; bà H không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cấp giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Lê Thụy Hà M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Thụy Hà M 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 11 năm 2022.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thụy Hà M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Người bào chữa;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP. Đà Nẵng;
- Phòng CS. THAHS và HTTP;
- Trại tạm giam Công an TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Hà Nam